

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

**Tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần
Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban Dân tộc**

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-BNV ngày 07/01/2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Ủy ban Dân tộc (viết tắt là UBDT) báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định chỉ số cải cách hành chính (viết tắt là CCHC) của UBDT năm 2020, như sau:

I. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC CỦA UBDT

1. TC.1.1. Thực hiện kế hoạch CCHC:

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBDT ban hành Kế hoạch đáp ứng đầy đủ yêu cầu 07 nội dung CCHC, bao gồm 33 nhiệm vụ/sản phẩm theo quy định; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch cụ thể, ghi rõ trách nhiệm triển khai cho từng đơn vị, quy định mốc thời gian hoàn thành trong năm; thời gian ban hành Kế hoạch trước Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch (*Quyết định số 1005/QĐ-UBDT ngày 31/12/2020*). Thực hiện đạt kế hoạch 32/33 nhiệm vụ/sản phẩm tương ứng với 98%.

b) Điểm tự đánh giá: 1,45/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 1005/QĐ-UBDT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành kế hoạch CCHC năm 2020.

2) Báo cáo số 301/BC-UBDT ngày 13/3/2020 của UBDT Báo cáo CCHC quý I năm 2020.

3) Báo cáo số 709/BC-UBDT ngày 12/6/2020 của UBDT Báo cáo CCHC quý II năm 2020.

4) Báo cáo số 1178/BC-UBDT ngày 15/9/2020 của UBDT Báo cáo CCHC quý III năm 2020.

5) Báo cáo số 1792/BC-UBDT ngày 10/12/2020 của UBDT Báo cáo tổng kết CCHC (quý IV) năm 2020.

2. TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ:

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo về số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian quy định gồm 04 báo cáo.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 13/3/2020 của UBND Báo cáo CCHC quý I năm 2020.

2) Báo cáo số 709/BC-UBND ngày 12/6/2020 của UBND Báo cáo CCHC quý II năm 2020.

3) Báo cáo số 1178/BC-UBND ngày 15/9/2020 của UBND Báo cáo CCHC quý III năm 2020.

4) Báo cáo số 1792/BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND Báo cáo tổng kết CCHC (quý IV) năm 2020.

3. TCTP 1.3.1. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra CCHC (*Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 18/9/2020*); tổ chức 03 Đoàn kiểm tra trực tiếp 06/18 đơn vị đạt 33,4% (*Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 thành lập Đoàn kiểm tra*); sau mỗi đợt kiểm tra đều ra thông báo kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra. Đối với các đơn vị còn lại tự kiểm tra và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của BT,CN UBND ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2020.

2) Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của BT,CN UBND thành lập Đoàn kiểm tra CCHC UBND năm 2020.

3) Thông báo số 01/TB-ĐKTr số 01 ngày 18/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Tuyên truyền UBND.

4) Thông báo số 02/TB-ĐKTr số 01 ngày 18/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

5) Thông báo số 03/TB-ĐKTr số 02 ngày 24/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Hợp tác quốc tế UBND.

6) Thông báo số 04/TB-ĐKTr số 02 ngày 25/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Nhà khách Dân tộc.

7) Thông báo số 05/TB-ĐKTr số 03 ngày 25/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Pháp chế UBND.

8) Thông báo số 06/TB-ĐKTr số 03 ngày 24/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Trung tâm Thông tin.

4. TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã kiểm tra tại 05/06 đơn vị (01 đơn vị là Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế không kiểm tra trực tiếp do dịch bệnh Covid, gửi báo cáo kiểm tra), qua kiểm tra đã phát hiện 11 nội dung về công tác CCHC và đề nghị thực hiện, đơn đốc thực hiện, đến cuối tháng 12 năm 2020 đã thực hiện xong 11 nội dung (đạt 100%).

b) Điểm tự đánh giá: 1,5/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của BT,CN UBND ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2020.

2) Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của BT,CN UBND thành lập Đoàn kiểm tra CCHC UBND năm 2020

3) Thông báo số 01/TB-ĐKTr số 01 ngày 18/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Tuyên truyền UBND.

4) Thông báo số 02/TB-ĐKTr số 01 ngày 18/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

5) Thông báo số 03/TB-ĐKTr số 02 ngày 24/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Hợp tác quốc tế UBND.

6) Thông báo số 04/TB-ĐKTr số 02 ngày 25/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Nhà khách Dân tộc.

7) Thông báo số 05/TB-ĐKTr số 03 ngày 25/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Vụ Pháp chế UBND.

8) Thông báo số 06/TB-ĐKTr số 03 ngày 24/12/2020 kiểm tra công tác CCHC tại Trung tâm Thông tin.

5. TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC (*Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 08/01/2020*); tổ chức 04 loại hình tuyên truyền cải cách hành chính cụ thể là: 1) Viết bài tuyên truyền CCHC trên Tạp chí Dân tộc, Báo viết và Báo Điện tử của Báo Dân tộc và Phát triển; 2) Tuyên truyền viết bài, đưa tin về CCHC trên cổng thông tin điện tử UBND; 3) Lồng ghép tuyên truyền CCHC thông qua 02 lớp tập huấn, hội nghị tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2020; 4) Tuyên truyền bằng hình thức “Hội thi tìm hiểu chính sách, pháp luật giảm nghèo bền vững gắn với cải cách hành chính vùng DTTS khu vực Nam bộ năm 2020” truyền hình trực tiếp trên Đài Truyền hình TP Hồ Chí Minh (HTV1 và HTV4) ngày 06/11/2020.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1792/BC-UBDT ngày 10/12/2020 của UBDT Báo cáo tổng kết CCHC (quý IV) năm 2020.

Đăng 06 bài trên Tạp chí Dân tộc:

2) Nhìn lại 10 năm thực hiện chiến lược cải cách hành chính của UBDT.

3) Ủy ban Dân tộc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng sang tạo, hiệu quả, toàn diện.

4) Cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5) Tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính năm 2019.

6) Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của UBDT năm 2020.

7) Kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính của UBDT năm 2020.

Đăng 08 bài viết trên báo giấy và đồng thời đăng trên Báo điện tử của Báo Dân tộc và Phát triển:

8) <https://baodantoc.vn/xa-quang-bach-huyen-cho-don-bac-kan-nguoi-dan-hai-long-ve-dich-vu-cong-truc-tuyen>.

9) <https://baodantoc.vn/bac-kan-ung-dung-cntt-trong-thuc-hien-chinh-sach-dan-toc-1600437188727.htm>

10) <https://baodantoc.vn/cai-cach-hanh-chinh-o-uy-ban-dan-toc-co-nhieu-chuyen-bien-ro-net-1597325789278.htm>

11) <https://baodantoc.vn/uy-ban-dan-toc-tong-ket-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-giai-doan-2011-2020-1596104359607.htm>

12) <https://baodantoc.vn/ky-hop-thu-10-quoc-hoi-khoa-xiv-tiep-tuc-phien-chat-van-va-tra-loi-chat-van-1604914333435.htm>

13) <https://baodantoc.vn/cai-cach-hanh-chinh-de-phuc-vu-nhan-dan-tot-hon-1593573101272.htm>

14) <https://baodantoc.vn/pho-thu-tuong-thuong-truc-truong-hoa-binh-trien-khai-thuc-hien-cac-nhiem-vu-giai-phap-day-manh-cchc-1589908550013.htm>

15) <https://baodantoc.vn/lang-nghe-tu-long-dan-hanh-chinh-cua-don-vi-noi-rieng-v-uy-ban-dan-toc>.

Link các bài tuyên truyền CCHC trên Cổng TTĐT UBDT:

16) <http://ubdt.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong/hoat-dong-cua-uy-ban/uy-ban-dan-toc-danh-gia-cham-diem-chi-so-cai-cach-hanh-chinh-nam-2019.htm>

17) <http://ubdt.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong/hoat-dong-cua-uy-ban/trao-giai-cuoc-thi-viet-tim-hieu-sang-kien-giai-phap-ve-cai-cach-hanh-chinh-cua-uy-ban-dan-toc.htm>

18) <http://ubdt.gov.vn/tin-tuc/tin-hoat-dong/hoat-dong-cua-uy-ban/tong-ket-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-uy-ban-dan-toc-giai-doan-2011-2020.htm>

19) <http://ubdt.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/thoi-su-chinh-tri/pho-thu-tuong-thuong-truc-lam-viec-tai-vinh-phuc-ve-cai-cach-hanh-chinh.htm>

Tuyên truyền bằng hình thức Hội thi:

19) “Hội thi tìm hiểu chính sách, pháp luật giảm nghèo bền vững gắn với cải cách hành chính vùng DTTS khu vực Nam Bộ năm 2020” theo link sau: <http://www.cema.gov.vn/hoi-thi-tim-hieu-chinh-sach-phap-luat-giam-ngheo-ben-vung-vung-dtts-khu-vuc-nam-bo-nam-2020.htm>.

6. TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, lần đầu tiên áp dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan; sáng kiến được phê duyệt vào cuối năm 2019 để thực hiện từ năm 2020 (Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 31/12/2019) và thực hiện từ năm 2020; từ khi áp dụng đến nay đã góp phần cập nhật thông tin, quản lý việc kê khai tài sản tốt hơn; mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của UBND. Có Quyết định công nhận kết quả sáng kiến CCHC.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Sáng kiến được phê duyệt vào cuối năm 2019 và thực hiện từ năm 2020 (Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc công nhận sáng kiến CCHC năm 2019 của UBND, trong đó công nhận sáng kiến CCHC ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin trong quản lý bản kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan.

7. TC.2.1 - Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt

a) Kết quả đạt được:

Tổng số VBQPPL dự kiến ban hành theo Quyết định Số 48/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về việc ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản năm 2020 gồm 03 văn bản quy phạm pháp luật gồm 01 nghị quyết của Quốc hội; 01 nghị định của Chính phủ và 01 quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả đã ban hành 02 văn bản gồm 01 Nghị quyết của Quốc hội và 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Còn 01 văn bản xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc. Văn phòng Chính phủ có Công văn số 9362/VPCP-TCCV ngày 06/11/2020 của Văn phòng Chính phủ Thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chưa sửa đổi Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND vào thời điểm này, việc xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 thực hiện trong nhiệm kỳ Chính phủ 2021-2026.

Như vậy theo kế hoạch xây dựng văn bản quy pháp pháp luật năm 2020 Ủy ban Dân tộc đạt 100% kế hoạch.

b) Điểm tự đánh giá: 2/2 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 48/QĐ-UBDT ngày 21/01/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT về việc ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản năm 2020.

2) Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3) Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

4) Công văn số 9362/VPCP-TCCV ngày 06/11/2020 của Văn phòng Chính phủ v/v xây dựng Nghị định sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc.

8. TCTP 2.2.1. Thực hiện các hoạt động về TDTHPL

a) Kết quả đạt được:

Kế hoạch TDTHPL năm 2020, UBDT đã thực hiện đầy đủ 03 hoạt động (1) Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; 2) Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; 3) Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật) TDTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 971/QĐ-UBDT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT;

2) Công văn số 1280/UBDT-PC ngày 30/10/2019 đề xuất lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm năm 2020;

3) Công văn số 766/UBDT-PC ngày 29/6/2020 (kèm theo Đề cương báo cáo) để thu thập thông tin, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

4) Báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2020 số:1702/BC-UBDT, ngày 07/12/2020 của UBDT.

9. TCTP 2.2.2. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBDT tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBDT theo chức năng, thẩm quyền. Căn cứ kết quả thu thập thông

tin, kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành PL, UBDT đã có một số đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền về hoàn thiện thể chế, phân bổ nguồn lực và cơ chế phối hợp thực hiện các chính sách, pháp luật, cụ thể như sau: 1) Hoàn thiện thể chế: 03 đề xuất; 2) Nguồn lực: 03 kiến nghị; 3) Cơ chế phối hợp thực hiện: 01 kiến nghị; 4) Giải pháp: 01 giải pháp.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2020 số:1702/BC-UBDT, ngày 07/12/2020 của UBDT.

10. TCTP 2.3.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

a) Kết quả đạt được:

Tổng số văn bản được rà soát theo Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ và Công văn số 432/BTP-KTrVB ngày 13/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc triển khai Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ là 18 văn bản. Trong đó: Nghị định của Chính phủ: 03; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 04; Thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc với các Bộ, ngành Trung ương: 01; Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: 10.

Trong năm 2020, UBDT không có văn bản nào thuộc diện phải công bố hết hiệu lực hoặc ngưng hiệu lực.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

11. TC 2.3.2 - Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát

a) Kết quả đạt được:

Qua rà soát đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung 03 văn bản sau: 1) Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc; 2) Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định xã hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020; 3) Thông tư số 01/2015/TT-UBDT ngày 23/7/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT ban hành Thông tư quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBDT.

Đã hoàn thành xử lý 01 văn bản là Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định xã hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 thành Quyết định số 31/2020/QĐ-TTg ngày Quyết định số 31/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Sửa đổi

Điều 5 Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí xác định xã, thôn hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 02.

Kết quả điểm tự đánh giá $(01/03 \times 1.0 + 02/03 \times 0.5) = 0.66$ điểm.

b) Điểm tự đánh giá: 0,66/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số: 116/BC-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND báo cáo công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2020 của UBND.

Danh mục văn bản cần xử lý được tổng hợp từ kết quả rà soát của bộ.

1) Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc;

2) Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định xã hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

3) Thông tư số 01/2015/TT-UBND ngày 23/7/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND ban hành Thông tư quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND.

12. TCTP 2.4.1 - Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

a) Kết quả đạt được:

Kết quả thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền 24/24 văn bản; đạt 100%.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 29/1/2021 của Ủy ban Dân tộc về kết quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

13. TCTP 2.4.2 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, qua kiểm tra, UBND không phát hiện văn bản trái pháp luật cần xử lý.

b) Điểm tự đánh giá: 1,5/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 29/1/2021 của Ủy ban Dân tộc về kết quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

14. TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra

a) Kết quả đạt được:

Theo Kế hoạch thanh tra năm 2020 UBND là 06 cuộc thanh tra (Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 25/12/2019). Trong năm 2020 đã tổ chức xong 06 cuộc thanh tra theo kế hoạch đề ra (100% kế hoạch).

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND Phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2020 của Thanh tra UBND.

2) Báo cáo số 511/BC-TTtr ngày 21/12/2020 tổng kết công tác thanh tra năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

15. TCTP 2.5.2 - Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra

a) Kết quả đạt được:

Do dịch Covid nên năm 2020, không trực tiếp tổ chức cuộc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, chỉ thực hiện 127 Công văn đôn đốc thực hiện Kết luận thanh tra. Kết quả đã thu về 587.884.000 đồng tiền sai phạm thu hồi sau thanh tra.

Công tác thanh tra thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Danh mục Công văn đôn đốc thực hiện Kết luận thanh tra (*file đính kèm*).

2) Báo cáo số 511/BC-TTtr ngày 21/12/2020 tổng kết công tác thanh tra năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

16. TC. 2.6 - Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của UBND

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND nhận được 45 ý kiến, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của UBND, 100% ý kiến, kiến nghị đều được UBND trả lời đầy đủ, kịp thời trong năm 2020.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 22/01/2020 của UBND báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021.

2) Danh mục văn bản trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi QLNN của UBND 2020.

17. TCTP 3.1.1- Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND không ban hành các quy định TTHC (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...) trái với thẩm quyền.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

18. TCTP 3.1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã hoàn thành 100% kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC, năm 2020, UBND đã thực hiện quy trình bãi bỏ các TTHC (trong quá trình rà soát đã phát hiện và đề nghị xử lý hủy bỏ 02 thủ tục hành chính hết hiệu lực bị bãi bỏ gồm: 1) Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012- 2015 (TTHC1.004787); 2) Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (TTHC1.004816).

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của BT, CN UBND về Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2020.

2) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

19. TCTP 3.1.3 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, quá trình rà soát 10 thủ tục hành chính của UBND, trong đó phát hiện 02 thủ tục hành chính hết hiệu lực và đã xử lý hủy bỏ 02 theo thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND gồm 02 TTHC sau: 1) Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015 (TTHC1.004787); 2) Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ - TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (TTHC1.004816).

b) Điểm tự đánh giá: 1,5/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

2) Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND về việc công bố TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND.

20. TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND ban hành Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND về việc công bố TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND theo đúng quy định.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

2) Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND về việc công bố TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND.

21. TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố

a) Kết quả đạt được: UBND đã nhập, đăng tải công khai kịp thời 100% TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia. Việc công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và trên Cổng TTĐT của UBND được thực hiện đúng quy định.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

22. TCTP 3.2.3- Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC

a) Kết quả đạt được: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bộ đã được công bố quy trình nội bộ (theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

2) Quyết định số 818/QĐ – UBND ngày 25/12/2020 của UBND về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015.

23. TCTP 3.2.4 - Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ

a) Kết quả đạt được:

100% số TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc UBND trực tiếp tiếp nhận và giải quyết; công khai đầy

đủ, đúng quy định trên Cổng TTĐT của UBND; tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng TTĐT.

TTHC được đăng tải đầy đủ trên Cổng TTĐT của UBND và kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo sự thuận tiện, chính xác và dễ tra cứu phục vụ cho tổ chức, cá nhân.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

24. TCTP 3.3.1 - Thành lập và vận hành Bộ phận Một cửa

a) Kết quả đạt được:

UBND là cơ quan ngang bộ, cơ quan đặc thù, mang tính tổng hợp; có rất ít TTHC liên quan trực tiếp đến các doanh nghiệp, người dân vì vậy UBND không thành lập Bộ phận Một cửa mà giao việc này cho Phòng Văn thư Lưu trữ thực hiện trực tiếp theo quy định khi phát sinh TTHC.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

25. TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

a) Kết quả đạt được: 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

26. TCTP 3.3.3 - Công bố nhóm TTHC liên thông trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý

a) Kết quả đạt được: UBND là cơ quan năng bộ, đặc thù, không phải cơ quan bộ chuyên ngành; UBND không có TTHC liên thông trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

27. TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định

a) Kết quả đạt được:

100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm.

b) Điểm tự đánh giá: 2/2 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

28. TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC

a) Kết quả đạt được: Trong năm 2020, UBND không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn; UBND không có TTHC tác động trực tiếp đến người dân.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

29. TCTP 3.4.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của bộ

a) Kết quả đạt được:

UBND đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP; UBND là cơ quan đặc thù nên không xây dựng Cổng Dịch vụ công.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

30. TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ

a) Kết quả đạt được: Năm 2020, UBND không nhận được PAKN về TTHC.

b) Điểm tự đánh giá: 0,75/0,75 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

31. TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của bộ

a) Kết quả đạt được: Năm 2020, UBND không nhận được PAKN về TTHC.

b) Điểm tự đánh giá: 0,25/0,25 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

32. TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc UBND

a) Kết quả đạt được:

Từ năm 2017, UBND là 02 trong các bộ, ngành tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức (Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017). Sau khi Nghị định có hiệu lực thì UBND thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (18/18 đơn vị, đạt 100%) xong trước 06 tháng khi Nghị định có hiệu lực.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1792/BC-UBND ngày 10/12/2020 của UBND Báo cáo tổng kết CCHC năm 2020.

2) Báo cáo số 873/UBND-TCCB ngày 01/8/2019 của UBND Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (Phụ lục 3A Tổng hợp số lượng lãnh đạo quản lý các Bộ, ngành TW; trong đó có báo cáo số lượng cấp phó các đơn vị trực thuộc UBND không vượt quá quy định).

3) Báo cáo số 518/BC-UBND ngày 29/4/2020 của UBND Báo cáo kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2015-2020.

4) Link các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc UBND trên website: <http://cema.gov.vn/so-do-co-cau-to-chuc/so-do-co-cau-to-chuc.htm>.

33. TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc UBND

a) Kết quả đạt được:

UBND có 13 đơn vị quản lý hành chính nhà nước và 05 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. UBND thực hiện đúng quy định về số lượng về số lượng cấp phó của người đứng đầu các Vụ, đơn vị không quá 03 người (UBND không có Tổng Cục trực thuộc) và số lượng lãnh đạo ít hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo tại các Vụ, đơn vị có thống kê số lượng lãnh đạo số lượng cấp phó của các Vụ, đơn vị.

Số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức nêu trên ít hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

b) Điểm tự đánh giá: 1,5/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 873/UBND-TCCB ngày 01/8/2019 của UBND Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết số 39-NQ/TW

của Bộ Chính trị (Phụ lục 3A Tổng hợp số lượng lãnh đạo quản lý các Bộ, ngành TW; trong đó có báo cáo số lượng cấp phó các đơn vị trực thuộc UBĐT không vượt quá quy định).

2) Báo cáo số 518/BC-UBĐT ngày 29/4/2020 của UBĐT Báo cáo kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy; quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2015-2020.

34. TCTP 4.2.1- Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính

a) Kết quả đạt được: UBĐT sử dụng đúng biên chế hành chính được giao, năm 2020 UBĐT được Chính phủ và Bộ Nội vụ giao là 243 biên chế công chức. Đến tháng 10/2019, Bộ Nội vụ bổ sung 9 biên chế cho Ủy ban Dân tộc tiếp nhận công chức từ 3 Ban chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ nâng tổng số biên chế của Ủy ban là 252. Tính đến ngày 31/12/2019 đã sử dụng 218 biên chế, còn lại 34 biên chế.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2019.

2) Quyết định số 2308/QĐ-BNV ngày 05/10/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2018 và năm 2019 của UBĐT.

35. TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc UBĐT

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBĐT được giao 129 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và đã sử dụng hết 129 người làm việc được giao.

UBĐT luôn chấp hành tốt quy định về quản lý số lượng người làm việc. Thực hiện đầy đủ kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm. Thực hiện tốt công tác phân bổ số lượng người làm việc cho các Vụ, đơn vị trên cơ sở số số lượng người làm việc do Bộ Nội vụ thẩm định giao; không giao, không sử dụng vượt quá số lượng số lượng người làm việc được giao.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 657/UBĐT-TCCB ngày 21/6/2019 của UBĐT về báo cáo số lượng người làm việc và kế hoạch số lượng người làm việc trong các ĐVSN công lập.

36. TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015

a) Kết quả đạt được:

Năm 2015, UBĐT có 476 công chức, viên chức, HĐ68, năm 2019 Ủy ban

Dân tộc có 384 công chức, viên chức, HĐ68, như vậy tính đến năm 2019 tỷ lệ tinh giản biên chế và về hưu đúng tuổi của UBNDT so với năm 2015 là: $(52/476=10,92\%)$. Số điểm đạt được của UBNDT là: 1,5 điểm.

Biên chế của Ủy ban Dân tộc thực hiện giảm theo lộ trình tinh giản biên chế. Năm 2015 được Thủ tướng giao 261 biên chế. Năm 2019 được Thủ tướng giao 243 biên chế. Tuy nhiên, Ủy ban Dân tộc được Chính phủ, Bộ Nội vụ đồng ý cho bổ sung 9 biên chế công chức từ các Ban chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ

b) Điểm tự đánh giá: 1,5/1,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 10/12/2019 của UBNDT Báo cáo CCHC năm 2019.

2) Báo cáo số 657/UBND-TCCB ngày 21/6/2019 của UBNDT về báo cáo số lượng người làm việc và kế hoạch số lượng người làm việc trong các ĐVSN công lập.

3) Quyết định số 1895/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019.

4) Quyết định số 2121/QĐ-BNV ngày 14/9/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2018 và năm 2019 của Ủy ban Dân tộc.

5) Quyết định số 2308/QĐ-BNV ngày 05/10/2018 của Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2018 và năm 2019 của Ủy ban Dân tộc.

37. TCTP 4.3.1 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi QLNN của UBNDT đã phân cấp cho địa phương

a) Kết quả đạt được: UBNDT là cơ quan ngang bộ, thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS. UBNDT không giao thực hiện chức năng quản lý ngành nên không phân cho địa phương. Vì vậy, đề nghị Hội đồng tư vấn chấm điểm tối đa cho UBNDT tiêu chí này.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

38. TCTP 4.3.2 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra

a) Kết quả đạt được: UBNDT là cơ quan ngang bộ, thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS. UBNDT không giao thực hiện chức năng quản lý ngành nên không phân cho

địa phương.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

39. TCTP 5.1.1 - Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm công chức, Ủy ban Dân tộc đã triển khai xây dựng dự thảo thông tư hướng dẫn vị trí việc làm chuyên ngành lĩnh vực công tác dân tộc; đã tổ chức lấy ý kiến các địa phương và các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban Dân tộc. Hiện nay, dự thảo thông tư đang trong quá trình tiếp thu ý kiến, hoàn thiện.

b) Điểm tự đánh giá: 0.25/0.25 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Công văn số 1158/UBND-TCCB ngày 14/10/2019 của UBND v/v xây dựng vị trí việc làm cán bộ công chức trong cơ quan làm công tác dân tộc.

2) Dự thảo thông tư hướng dẫn vị trí việc làm chuyên ngành lĩnh vực công tác dân tộc.

40. TCTP 5.1.2 - Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý

a) Kết quả đạt được:

Tại khoản 3 điều 19 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định các Bộ, cơ quan ngang bộ phải ban hành Quyết định danh mục vị trí việc làm thay thế Quyết định của Bộ Nội vụ phê duyệt trước đây. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, nhiều bộ quản lý chuyên ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm và định mức biên chế công chức; do đó UBND chưa có cơ sở pháp lý để ban hành Quyết định chính thức.

UBND đã có Công văn dự kiến danh mục vị trí việc làm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Công văn số 1158/UBND-TCCB ngày 14/10/2019 của UBND v/v xây dựng vị trí việc làm cán bộ công chức trong cơ quan làm công tác dân tộc.

41. TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2020, UBND đã xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm trong các đơn vị quản lý nhà nước; rà soát, sắp xếp công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của BT, CN UBND Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm trong các Vụ, đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc UBND.

2) Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau: 1) Vụ Chính sách Dân tộc, 2) Vụ Địa phương I, 3) Vụ Dân tộc thiểu số, 4) Vụ Pháp chế, 5) Vụ Tổ chức cán bộ.

42. TCTP 5.1.4. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí của 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là Học viện Dân tộc, Tạp chí Dân tộc, Trung tâm Thông tin, Báo Dân tộc và Phát triển (Đạt 80%); hiện còn 01 đơn vị là Nhà khách Dân tộc đang trình lãnh đạo Ủy ban phê duyệt.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,75 điểm.

* Tài liệu kiểm chứng:

Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 04 vị trí việc làm khác nhau.

1) Quyết định 419 phê duyệt vị trí việc làm Học viện Dân tộc.

2) Quyết định 439 phê duyệt vị trí việc làm của Tạp chí Dân tộc.

3) Quyết định 447 phê duyệt vị trí việc làm của Báo Dân tộc và Phát triển.

4) Quyết định 798 phê duyệt vị trí việc làm của Trung tâm Thông tin.

43. TCTP 5.2.1- Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020 Ủy ban Dân tộc thực hiện quy định về thực hiện quy định về tuyển dụng công chức theo đúng về trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành của Bộ Nội vụ để tuyển dụng công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ. Kết quả Ủy ban Dân tộc đã tuyển dụng 01 sinh viên tốt nghiệp đại học xuất sắc về Vụ Dân tộc thiểu số

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Kế hoạch số 501/KH-UBND ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành kế hoạch xét tuyển công chức vào làm việc tại các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc năm 2020;

2) Thông báo số 1243/TB-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban Dân tộc về

việc xét tuyển công chức vào làm việc tại các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc năm 2020;

3) Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc thành lập Ban Giám sát xét tuyển công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

4) Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

5) Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc thành lập Ban Kiểm tra sát hạch xét tuyển công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

6) Thông báo số 63/TB-UBND ngày 18/01/2021 của Ủy ban Dân tộc danh sách thí sinh đủ điều kiện và tiêu chuẩn dự tuyển vòng 2 kỳ xét tuyển công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

7) Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt kết quả xét tuyển công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

8) Thông báo số 134/TB-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban Dân tộc kết quả xét tuyển công chức theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ;

44. TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, thực hiện tinh giản biên chế và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thực hiện sắp xếp lại tổ chức bên trong, tinh giản tổ chức máy, không thực hiện tuyển dụng viên chức mới.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

45. TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020 Ủy ban Dân tộc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo đúng về trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành của Bộ Nội vụ. UBND đã cử 02 công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp và cử 33 công chức, 3 viên chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính tại Hội đồng thi của Bộ Nội vụ (kết quả bổ nhiệm 01 chuyên viên cao cấp và 26 chuyên viên chính đã đỗ kỳ thi nâng ngạch).

b) Điểm tự đánh giá: 0.25/0.25 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

* Thi nâng ngạch Chuyên viên cao cấp và chuyên viên chính năm 2020 (2 Tài liệu_file đính kèm)

1) Công văn số 85/CV-UBND, ngày 04/3/2020 về việc đăng ký và lập hồ sơ dự thi nâng ngạch chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp năm 2020;

2) Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của BT, CNUBDT về việc thành lập Hội đồng sơ tuyển hồ sơ dự thi nâng ngạch chuyên viên chính và chuyên viên cao cấp năm 2020.

* Thi Chuyên viên cao cấp (10 tài liệu_file đính kèm)

1) Công văn số 2320/BNV-CCVC, ngày 07/5/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp năm 2020;

2) Công văn số 726/UBND-TCCB, ngày 18/6/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc cử công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp năm 2020;

3) Công văn số 3023/HĐTNCC, ngày 18/6/2020 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên CVCC năm 2020 về việc triệu tập CBCC dự thi nâng ngạch lên CVCC năm 2020;

4) Quyết định số 418/QĐ-HĐTNCC, ngày 18/6/2020 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên CVCC năm 2020 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp năm 2020;

5) Công văn số 3323/BNV-CCVC, ngày 06/7/2020 của Bộ nội vụ về việc thông báo chỉ tiêu nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp năm 2020;

6) Công văn số 4382/HĐTNCC, ngày 21/8/2021 của Bộ nội vụ về việc thông báo điểm thi nâng ngạch công chức;

7) Công văn số 1360/UBND-TCCB, ngày 16/10/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc đề nghị bổ nhiệm và xếp lương ngạch Chuyên viên cao cấp năm 2020;

8) Công văn số 5619/BNV-CCVC, ngày 26/10/2020 của Bộ nội vụ về việc bổ nhiệm và xếp lương ngạch CVCC đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch;

9) Quyết định số 692/QĐ-BNV, ngày 05/10/2020 của Bộ nội vụ về việc công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp năm 2020;

10) Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp.

* Thi Chuyên viên chính (8 tài liệu_File đính kèm)

1) Kế hoạch số 4991/KH-BNV, ngày 23/9/2020 của Bộ nội vụ về Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020;

2) Công văn số 1118/UBND-TCCB, ngày 01/9/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng từ chuyên viên

lên chuyên viên chính năm 2020;

3) Công văn số 4763/BNV-CCVC, ngày 11/9/2020 của Bộ nội vụ về việc phối hợp tổ chức thi nâng ngạch thăng hạng lên chuyên viên chính;

4) Công văn số 6193/BNV-TCCB, ngày 25/11/2020 của Bộ nội vụ về việc thông báo danh sách thi nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức năm 2020;

5) Công văn số 6194/HĐT ngày 25/11/2020 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức năm 2020 về việc triệu tập công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức năm 2020;

6) Công văn số 7001/BNV-HĐT, ngày 29/12/2020 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức năm 2020 về việc thông báo điểm thi nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức năm 2020;

7) Quyết định số 65/QĐ-BNV, ngày 25/01/2021 của Bộ nội vụ về việc công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020;

8) Quyết định số 63/QĐ-UBND; Quyết định số 64/QĐ-UBND; Quyết định số 65/QĐ-UBND; Quyết định số 66/QĐ-UBND; Quyết định số 67/QĐ-UBND; Quyết định số 68/QĐ-UBND; Quyết định số 69/QĐ-UBND; Quyết định số 70/QĐ-UBND; Quyết định số 71/QĐ-UBND; Quyết định số 72/QĐ-UBND; Quyết định số 73/QĐ-UBND; Quyết định số 74/QĐ-UBND; Quyết định số 75/QĐ-UBND; Quyết định số 76/QĐ-UBND; Quyết định số 77/QĐ-UBND; Quyết định số 78/QĐ-UBND; Quyết định số 79/QĐ-UBND; Quyết định số 80/QĐ-UBND; Quyết định số 81/QĐ-UBND; Quyết định số 82/QĐ-UBND; Quyết định số 83/QĐ-UBND; Quyết định số 84/QĐ-UBND; Quyết định số 85/QĐ-UBND; Quyết định số 86/QĐ-UBND; Quyết định số 87/QĐ-UBND; Quyết định số 88/QĐ-UBND, ngày 04/02/2021 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm ngạch Chuyên viên chính.

46. TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020 Ủy ban Dân tộc tổ chức thực hiện việc thi thăng hạng viên chức đối với giảng viên chính và giảng viên cao cấp theo đúng luật Công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đã cử 1 viên chức dự thi thăng hạng giảng viên cao cấp và cử 6 viên chức dự thi nâng ngạch giảng viên chính tại Hội đồng thi của Bộ Giáo dục và đào tạo (kết quả bổ nhiệm 1 giảng viên cao cấp và 6 giảng viên chính đã đỗ kỳ thi thăng hạng)

b) Điểm tự đánh giá: 0,25/0,25 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

* *Thi thăng hạng Giảng viên cao cấp, giảng viên chính (2 tài liệu_File đính kèm):*

1) Công văn số 437/UBND-TCCB, ngày 13/4/2020 của Ủy ban Dân tộc

về việc phối hợp tổ chức thi thăng hạng viên chức năm 2020;

2) Công văn số 440/UBND-TCCB, ngày 14/4/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020;

** Thăng hạng Giảng viên cao cấp (7 tài liệu _File đính kèm):*

1) Công văn số 1809/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 25/5/2020 của Bộ GD & ĐT về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020;

2) Công văn số 822/UBND-TCCB, ngày 10/7/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc cử viên chức dự thi thăng hạng Giảng viên cao cấp năm 2020;

3) Công văn số 17/BGDĐT-HĐTTH, ngày 03/9/2020 của Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020 về việc triệu tập viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020;

4) Thông báo số 1423/BGDĐT-HĐTTH, ngày 12/10/2020 của Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020 về việc thông báo kết quả thi thăng hạng GVCC;

5) Quyết định số 3596/QĐ-BGDĐT, ngày 11/11/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc công nhận kết quả thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2020;

6) Công văn số 1709/UBND-TCCB, ngày 08/12/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc đề nghị bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp;

7) QĐ số 841/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I);

** Thăng hạng Giảng viên chính (6 tài liệu _File đính kèm):*

1) Công văn số 1807/BGDĐT-NGQLGD, ngày 25/5/2020 của Bộ GD & ĐT về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng III) năm 2020;

2) Công văn số 668/UBND-TCCB, ngày 09/6/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc bổ sung danh sách viên chức thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) năm 2020;

3) Công văn số 18/BGDĐT-HĐTTH, ngày 03/9/2020 của Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) về việc triệu tập viên chức dự thi nâng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) năm 2020;

4) Công văn số 1422/BGDĐT-HĐTTH, ngày 12/10/2020 của Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) năm 2020 về việc thông báo kết quả thi thăng hạng GVC;

5) Quyết định số 3597/QĐ-BGDĐT, ngày 11/11/2020 của Bộ GD & ĐT về việc công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVC (hạng II) năm 2020;

6) Quyết định số 755/QĐ-UBND; Quyết định số 756/QĐ-UBND; Quyết định số 757/QĐ-UBND; Quyết định số 758/QĐ-UBND; Quyết định số 759/QĐ-UBND; Quyết định số 760/QĐ-UBND, ngày 9/12/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II).

47. TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc UBNDT

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2020, UBNDT thực hiện quy trình bổ nhiệm đạo cấp Vụ đối với 14 đồng chí thuộc các Vụ, đơn vị theo đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành (Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tổng hợp, Vụ Kế hoạch Tài chính, Thanh tra Ủy ban, Vụ Dân tộc thiểu số, Vụ Tuyên truyền, Báo Dân tộc và Phát triển, Văn phòng Ủy ban, Văn phòng Ban Cán sự đảng và Đảng ủy, Vụ Pháp chế, Báo Dân tộc và Phát triển).

b) Điểm tự đánh giá đạt: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 01/QĐ-UBNDT ngày 02/01/2020 của BT, CNUBDT về việc tiếp nhận và bổ nhiệm công chức (bà Lương Thị Thu Hằng, giữ chức: Phó Tổng Biên tập Tạp chí Dân tộc);

2) Quyết định số 11/QĐ-UBNDT ngày 06/01/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Nguyễn Mạnh Huân, giữ chức: Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính);

3) Quyết định số 16/QĐ-UBNDT ngày 13/01/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Lê Công Bình, giữ chức: Tổng biên tập Báo Dân tộc và phát triển);

4) Quyết định số 18/QĐ-UBNDT ngày 13/01/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Hà Việt Quân, giữ chức: Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế);

5) Quyết định số 122/QĐ-UBNDT ngày 16/3/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (bà Trần Thu Hà, giữ chức: Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế);

6) Quyết định số 123/QĐ-UBNDT ngày 16/3/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Nguyễn Đắc Hậu, giữ chức: Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp);

7) Quyết định số 175/QĐ-UBNDT ngày 17/4/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (bà Hoàng Thị Lễ, giữ chức: Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền);

8) Quyết định số 179/QĐ-UBNDT ngày 17/4/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Lưu Xuân Thủy, giữ chức: Vụ trưởng Vụ Dân tộc thiểu số);

9) Quyết định số 325/QĐ-UBNDT ngày 02/7/2020 của BT, CNUBDT về việc bổ nhiệm công chức (bà Nguyễn Thị Hồng Huệ, giữ chức: Phó Vụ trưởng Vụ Dân tộc thiểu số);

10) Quyết định số 485/QĐ-UBNDT ngày 31/8/2020 của BT, CNUBDT về việc điều động, bổ nhiệm công chức (ông Hà Trọng Nghĩa, giữ chức: Phó Chánh

Văn phòng Ban cán sự đảng và Đảng uỷ);

11) Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của BT, CNUBNDT về việc điều động, bổ nhiệm công chức (ông Vũ Trung Kiên, giữ chức: Phó Chánh Văn phòng Ủy ban);

12) Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của BT, CNUBNDT về việc bổ nhiệm lại công chức (ông Chử Văn Thung, giữ chức: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1, Thanh tra Ủy ban Dân tộc);

13) Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của BT, CNUBNDT về việc bổ nhiệm viên chức (bà Hoàng Thị Thanh, giữ chức: Phó Tổng biên tập Báo Dân tộc và Phát triển);

14) Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của BT, CNUBNDT về việc bổ nhiệm công chức (ông Vũ Mạnh Trường, giữ chức: Phó Chánh Thanh tra Ủy ban).

48. TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2020, UBNDT thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b) Điểm tự đánh giá đạt: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 491/BC-TCCB ngày 31/12/2020 của UBNDT báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và HĐLĐ năm 2020.

49. TCTP 5.5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2019, UBNDT không có trường hợp nào bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

b) Điểm tự đánh giá đạt: 2/2 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 491/BC-TCCB ngày 31/12/2020 của UBNDT báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và HĐLĐ năm 2020.

50. TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CC, CC

a) Kết quả đạt được:

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 của UBNDT, tổ chức 5 lớp đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 của UBNDT đã tổ chức 5/5 lớp và cử 395 lượt công chức, viên chức tham gia đạt 100% kế hoạch đề ra.

b) Điểm tự đánh giá đạt: 1/1 điểm.

c. Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định 155/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2020.

2) Báo cáo số 917/BC-UBND ngày 28/7/2020 của UBND Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 6 tháng đầu năm và dự kiến kết quả đạt được năm 2020; đề xuất kinh phí năm 2021.

51. TC 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND giao kế hoạch vốn đầu tư NSNN là 81,7 tỷ (Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 20/5/2020). Tuy nhiên, do điều kiện khách quan UBND đã trả lại ngân sách 50,257 tỷ đồng, còn lại 30,753 tỷ đồng. Do đó, UBND giải ngân năm 2020 được 15,91 tỷ đồng (50,6% kế hoạch vốn).

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 (Đợt 1).

2) Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 (Đợt 2).

52. TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN

a) Kết quả đạt được: Năm 2020, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo 240/BC-UBND ngày 02/3/2020 của UBND về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo ND số 130/2005/NĐ-CP.

2) Báo cáo 286/BC-UBND ngày 11/3/2020 của UBND Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của ĐVSNCL UBND.

53. TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

a) Kết quả đạt được:

Trong 02 năm, năm 2019 và năm 2020, UBND có kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách năm 2019. UBND đã thực hiện các kiến nghị của kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của UBND. Vì vậy, đề nghị Hội đồng cho điểm tối đa.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Công văn số 1812/UBND-KHTC ngày 24/12/2020 về việc báo cáo

thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2019.

2) Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước của các đơn vị.

54. TCTP 6.2.1 - Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ về quản lý, sử dụng tài sản công

a) Kết quả đạt được:

UBND ban hành và công khai Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình của UBND.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại các vụ, đơn vị thuộc UBND.

2) Quyết định được công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND.

55. TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

a) Kết quả đạt được:

Các đơn vị của UBND được giao quản lý và sử dụng tài sản công đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công riêng biệt là 05 đơn vị/07 đơn vị; ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị là 01 đơn vị/07 đơn vị.

b) Điểm tự đánh giá: 0,25/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 79/QĐ-BDTPPT ngày 28/6/2018 của Báo Dân tộc và Phát triển về việc ban hành Quy chế về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản của Báo Dân tộc và Phát triển

2) Quyết định số 231/QĐ-NKDT ngày 08/9/2020 của Nhà khách Dân tộc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Nhà khách Dân tộc.

3) Quyết định số 303/QĐ-HVDT ngày 09/9/2020 của Học viện Dân tộc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện Dân tộc- Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính.

4) Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Ủy ban Dân tộc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan Ủy ban Dân tộc.

5) QĐ19a/QĐ-TCĐT ngày 10/9/2020; QĐ344/QĐ-TCĐT ngày 10/9/2020;

56. TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý

a) Kết quả đạt được:

UBND có 04 cơ sở nhà đất nằm trong diện phải sắp xếp, xử lý nhà, đất (Trụ sở tại 80 Phan Đình Phùng, TP Hà Nội; trụ sở tại 349 Đội Cấn, tại TP Hà

Nội; trụ sở của Vụ Địa phương III đóng tại địa bàn, địa chỉ 18 Nguyễn Đình Chiểu, TP Cần Thơ; trụ sở của Vụ Địa phương II đóng tại địa bàn, địa chỉ 135 Lê Thánh Tông, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk) Trong đó có 02 cơ sở đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 10359/BTC-QLCS ngày 9/8/2010, 02 cơ sở Bộ Tài chính đã có trả lời tại Công văn số 2302/BTC-QLCS ngày 03/03/2020 nhưng do tình hình dịch bệnh Covid năm 2020 nên Bộ Tài chính và UBNDT chưa phối hợp tổ chức kiểm tra hiện trạng theo quy định.

b) Điểm tự đánh giá: 0,25/0,75 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Công văn số 10359/BTC-QLCS ngày 9/8/2010 của Bộ Tài chính về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do UBNDT quản lý, sử dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2) Công văn số 2302/BTC-QLCS ngày 03/3/2020 của Bộ Tài chính về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Vụ Địa phương II và III thuộc Ủy ban Dân tộc.

57. TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBNDT đã thực hiện việc tình hình quản lý sử dụng tài sản công của các Vụ, đơn vị thuộc UBNDT trong công tác kiểm tra quyết toán Ngân sách nhà nước trong năm (Có 08 Thông báo xét duyệt quyết toán kèm theo).

b) Điểm tự đánh giá: 0,25/0,25 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

Có 07 Thông báo xét duyệt quyết toán kèm theo.

1) Các Thông báo số 1271/TB-UBND, 1272/TB-UBND, 1273/TB-UBND, 1275/TB-UBND, 1276/TB-UBND, 1277/TB-UBND, 1278/TB-UBND ngày 30/9/2019 của UBNDT thông báo xét duyệt QTNS năm 2019 của các đơn vị: Học viện Dân tộc, Nhà khách Dân tộc, Tạp chí Dân tộc, Ban QLDA Đầu tư chuyên ngành xây dựng, Báo Dân tộc và Phát triển, Trung tâm thông tin, Văn phòng Ủy ban.

58. TCTP 6.3.1- Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBNDT thực hiện tốt về đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện tại, UBNDT có 04 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ toàn bộ (gồm: Báo Dân tộc & phát triển, Nhà khách Dân tộc, Tạp chí Dân tộc, Ban quản lý các dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng; 02 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên (gồm: Học viện Dân tộc, Trung tâm Thông tin). Như vậy, UBNDT đã đạt 100% đơn vị SNCL thực hiện đúng cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

b) Điểm tự đánh giá: 0/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo 286/BC-UBND ngày 11/3/2020 của UBND Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của ĐVSNCL UBND.

59. TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020, UBND đã thực hiện tốt việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL. Nội dung diễn giải cụ thể tại (Báo cáo 286/BC-UBND ngày 11/3/2020 của UBND Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của ĐVSNCL UBND).

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo 286/BC-UBND ngày 11/3/2020 của UBND Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của ĐVSNCL UBND.

60. TCTP 6.3.3 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp NS cho ĐVSN so với năm 2015

a) Kết quả đạt được:

Năm 2020: 174.188.983.000 đồng

Năm 2015: 41.674.367.000 đồng

Năm 2020 so với năm 2015 UBND không giảm chi, do đó:

b) Điểm tự đánh giá: 0/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo 286/BC-UBND ngày 11/3/2020 của UBND Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của ĐVSNCL UBND.

61. TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của UBND

a) Kết quả đạt được: Năm 2019, UBND đã ban hành và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của UBND 1.0 (Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 13/9/2018); hiện nay, UBND đang tiến hành nâng cấp và xây dựng khung kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

2) Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của BT, CN UBND ban hành và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của UBND 1.0.

62. TCTP 7.1.2 - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP)

a) Kết quả đạt được: UBND chưa được cấp kinh phí để triển khai.

b) Điểm tự đánh giá: 0/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

63. TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử

a) Kết quả đạt được:

Hiện nay 100% các văn bản đi, đến UBND đều được số hóa, cập nhật và trao đổi trên hệ thống điều hành tác nghiệp (trừ các văn bản mật). Thống kê trên phần mềm điều hành tác nghiệp UBND năm 2020 (thống kê từ 01/01/2020 đến 31/12/2020): văn bản đến: 9374 văn bản, văn bản đi: 2758 văn bản, Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các Vụ, đơn vị đạt 100%. Tuy nhiên trao đổi văn bản với các đơn vị ngoài 90% hoàn toàn dưới dạng điện tử, 10% song song điện tử và bản giấy.

b) Điểm tự đánh giá: 0.95/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

64. TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng

a) Kết quả đạt được:

Hiện nay 100% các văn bản đi, đến UBND đều được số hóa, cập nhật và trao đổi trên hệ thống điều hành tác nghiệp (trừ các văn bản mật). Tất cả các hồ sơ công việc đều được triển khai trên hệ thống dùng chung của cả cơ quan UBND.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

65. TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền

a) Kết quả đạt được:

Hệ thống quản lý văn bản điều hành của UBND là hệ thống dùng chung cho tất cả các đơn vị thuộc UBND. Do vậy 100% các văn bản điện tử được gửi trong các đơn vị.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

66. TCTP 7.1.6 - Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử

a) Kết quả đạt được:

Do tính chất đặc thù, UBND không có hệ thống thông tin một cửa điện tử.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

67. TCTP 7.1.7 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ

a) Kết quả đạt được:

Do tính chất đặc thù, UBND không có hệ thống thông tin một cửa điện tử.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

68. TCTP 7.1.8 - Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)

a) Kết quả đạt được:

Hiện nay, UBND đảm bảo cung cấp đủ thông tin về TTHC và văn bản liên quan quy định TTHC phục vụ nhu cầu tra cứu của tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2. Theo Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND không có danh mục dịch vụ công trực tuyến 3, 4 được ưu tiên.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND không có danh mục dịch vụ công trực tuyến 3, 4 được ưu tiên.

69. TCTP 7.1.9 - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia

a) Kết quả đạt được:

UBND không có DVC mức độ 3 và 4.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo trên hệ thống đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử của Bộ TT và TT: <http://bcudcntt.aita.gov.vn/>.

70. TCTP 7.1.10 - Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp bộ

a) Kết quả đạt được:

UBND đã xây dựng đề án triển khai Hệ thống thông tin báo cáo cấp bộ. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được cấp kinh phí để xây dựng

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của BT, Chủ nhiệm UBND phê duyệt Đề án đề án triển khai Hệ thống thông tin báo cáo UBND.

71. TCTP 7.1.11 - Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của Bộ, cơ quan với Hệ

thống thông tin báo cáo Chính phủ

a) Kết quả đạt được:

UBND đã xây dựng đề án triển khai Hệ thống thông tin báo cáo cấp bộ. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được cấp kinh phí để xây dựng.

b) Điểm tự đánh giá: 0.5/0.5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của BT, Chủ nhiệm UBND phê duyệt Đề án đề án triển khai Hệ thống thông tin báo cáo UBND.

72. TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm

a) Kết quả đạt được:

UBND không có TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3,4

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

73. TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4

a) Kết quả đạt được:

UBND không có TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3,4

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

74. TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI

a) Kết quả đạt được:

UBND là cơ quan ngang bộ, chủ yếu thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS.

UBND là cơ quan mang tính đặc thù, không phải cơ quan bộ chuyên ngành, vì vậy UBND không có nhiều thủ tục hành chính, không có dịch vụ công. Vì vậy, trong năm UBND không phát sinh hồ sơ TTHC tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBND ngày 25/12/2020 của UBND về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

75. TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI

a) Kết quả đạt được:

UBDT là cơ quan ngang bộ, chủ yếu thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS.

UBDT là cơ quan mang tính đặc thù, không phải cơ quan bộ chuyên ngành, vì vậy Ủy ban Dân tộc không có nhiều thủ tục hành chính, không có dịch vụ công. Vì vậy, trong năm UBDT không phát sinh hồ sơ TTHC tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBDT ngày 25/12/2020 của UBDT về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

76. TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI

a) Kết quả đạt được:

UBDT là cơ quan ngang bộ, chủ yếu thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS.

UBDT là cơ quan mang tính đặc thù, không phải cơ quan bộ chuyên ngành, vì vậy Ủy ban Dân tộc không có nhiều thủ tục hành chính, không có dịch vụ công. Vì vậy, trong năm UBDT không phát sinh hồ sơ TTHC tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Báo cáo số 1842/BC-UBDT ngày 25/12/2020 của UBDT về công tác kiểm soát TTHC năm 2020.

77. TCTP 7.4.1. Công bố ISO 9001 tại cơ quan UBDT

a) Kết quả đạt được: Năm 2020, UBDT đã cải tiến và mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định 721/QĐ-UBDT ngày 27/11/2020 của BT,CN UBDT về việc ban hành áp dụng tài liệu hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đã cải tiến, mở rộng.

2) Quyết định 818/QĐ-UBDT ngày 25/12/2020 của BT,CN UBDT về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 (Bản công bố Ủy ban Dân tộc lần thứ 2).

3) Báo cáo 1854/BC-UBDT ngày 30/12/2020 của UBDT báo cáo thực hiện duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ – TTg của UBDT.

78. TCTP 7.4.2. Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (cục, tổng cục và tương đương) đã công bố ISO 9001 theo quy định

a) Kết quả đạt được: 100% các đơn vị hành chính trực thuộc UBND đã công bố và áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

b) Điểm tự đánh giá: 0,5/0,5 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của BT,CN UBND về việc ban hành áp dụng tài liệu hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đã cải tiến, mở rộng.

2) Quyết định 818/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của BT,CN UBND về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 (Bản công bố UBND lần thứ 2).

3) Báo cáo 1854/BC-UBND ngày 30/12/2020 của UBND báo cáo thực hiện duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ – TTg của UBND.

79. TCTP 7.4.3. Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định

a) Kết quả đạt được:

100% các đơn vị hành chính trực thuộc UBND đã thực hiện đúng quy trình ISO 9001: 2015.

b) Điểm tự đánh giá: 1/1 điểm.

c) Tài liệu kiểm chứng:

1) Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của BT,CN UBND về việc ban hành áp dụng tài liệu hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đã cải tiến, mở rộng.

2) Quyết định 818/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của BT,CN UBND về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 (Bản công bố UBND lần thứ 2).

3) Báo cáo 1854/BC-UBND ngày 30/12/2020 của UBND báo cáo thực hiện duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 và các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ – TTg của UBND.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC UBND

Tổng điểm tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC UBND năm 2020: 56,81 điểm (*Có bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2020 của UBND và tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Thực hiện Kế hoạch xác định chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, ngành và các văn bản hướng dẫn thực hiện. UBND đã tổ chức tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC năm 2020 của UBND khách quan, có tài liệu minh chứng cụ thể và giải trình số điểm đạt được. Đạt kết quả nêu trên là sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ, công chức, viên chức UBND.

2. Tồn tại, hạn chế

Qua tự đánh giá chỉ số CCHC các năm qua, UBND đã thấy được những điểm hạn chế về công tác CCHC, còn một số tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC còn đạt kết quả chưa cao, công tác CCHC cần tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC của UBND không có kết quả chấm điểm, đó là: Tiêu chí 7.2 **Cung cấp dịch vụ công trực tuyến** (Các tiêu chí thành phần 7.2.1, 7.2.2); Tiêu chí 7.3 **Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích** (Các tiêu chí thành phần 7.3.1, 7.3.2, 7.3.3). Qua việc tự đánh giá chỉ số CCHC năm 2020 và các năm trước đây, UBND nhận thấy đây là vấn đề cần được nghiên cứu, khắc phục để thực hiện tốt, có hiệu quả công tác CCHC trong thời gian tới.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

UBND là cơ quan ngang bộ, chủ yếu thực hiện công tác tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tham mưu, xây dựng chính sách, phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống cho đồng bào các DTTS.

UBND là cơ quan mang tính đặc thù, không phải cơ quan bộ chuyên ngành, vì vậy Ủy ban Dân tộc không có nhiều thủ tục hành chính, không có dịch vụ công và không được giao nhiệm vụ phân cấp quản lý theo quy định; dẫn nhiều tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính chưa phù hợp với việc chấm điểm xác định chỉ số CCHC của UBND.

Trên đây là báo cáo và bảng tổng hợp kết quả điểm tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC năm 2020 của UBND và các tài liệu kiểm chứng gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp kết quả./. *ell*

Nơi nhận: *ell*

- Bộ Nội vụ;
- BT, CN UBND (để b/c);
- Các Vụ, đơn vị UBND;
- Công TTĐT UBND;
- Lưu: VT, TCCB(03b).

3

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Quốc Tuấn
Nguyễn Quốc Tuấn

**ỦY BAN DÂN TỘC****BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM****Tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần****Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Ủy ban Dân tộc***(Ban hành kèm theo Báo cáo 178/BC-UBDT ngày 26/02/2021 của UBDT)*

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá chấm điểm
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	1.5	1.45
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	1	1
3	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	1	1
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.5	1.5
5	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	1	1
6	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	1	1
7	TC 2.1 - Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	2	2
8	TCTP 2.2.1 - Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1	1
9	TCTP 2.2.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0.5	0.5
10	TCTP 2.3.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.5	0.5
11	TCTP 2.3.2 - Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1	0.66
12	TCTP 2.4.1 - Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	0.5	0.5
13	TCTP 2.4.2 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1.5	1.5
14	TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	0.5	0.5
15	TCTP 2.5.2 - Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	0.5	0.5
16	TC 2.6 - Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ	1	1
17	TCTP 3.1.1 - Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5	0.5
18	TCTP 3.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	0.5	0.5
19	TCTP 3.1.3 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1.5	1.5
20	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	0.5	0.5
21	TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	0.5	0.5
22	TCTP 3.2.3 - Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	1	1

23	TCTP 3.2.4 - Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	1	1
24	TCTP 3.3.1 – Thành lập và vận hành Bộ phận một cửa	0.5	0.5
25	TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	0.5	0.5
26	TCTP 3.3.3 - Công bố nhóm TTHC liên thông trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý	0.5	0.5
27	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	2	2
28	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0.5	0.5
29	TCTP 3.4.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của bộ	0.5	0.5
30	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0.75	0.75
31	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của bộ	0.25	0.25
32	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc bộ	1	1
33	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	1.5	1.5
34	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0.5	0.5
35	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	0.5	0.5
36	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1.5	1.5
37	TCTP 4.3.1 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã phân cấp cho địa phương	0.5	0.5
38	TCTP 4.3.2 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1	1
39	TCTP 5.1.1 – Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định	0.25	0.25
40	TCTP 5.1.2 – Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0.5	0.5
41	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1
42	TCTP 5.1.4 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.75	0.5
43	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (<i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i>)	0.5	0.5
44	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	0.5	0.5

45	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0.25	0.25
46	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0.25	0.25
47	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	1	1
48	TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5	0.5
49	TCTP 5.5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2	2
50	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1	1
51	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	0.5
52	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1
53	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1
54	TCTP 6.2.1 - Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ về quản lý, sử dụng tài sản công	0.5	0.5
55	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5	0.25
56	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75	0.25
57	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0.25	0.25
58	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm	1	0
59	TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1	1
60	TCTP 6.3.3 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL so với năm 2015	1	0
61	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	0.5	0.5
62	TCTP 7.1.2 - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP)	0.5	0
63	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	1	0.95
64	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0.5	0.5
65	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	0.5	0.5
66	TCTP 7.1.6 - Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5	0.5
67	TCTP 7.1.7 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ	0.5	0.5

68	TCTP 7.1.8 - Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	0.5	0.5
69	TCTP 7.1.9 – Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ được tích hợp trên Cổng DVC quốc gia	1	1
70	TCTP 7.1.10 – Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp bộ	0.5	0.5
71	TCTP 7.1.11 – Tỷ lệ kết nối báo cáo của Bộ, cơ quan với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0.5	0.5
72	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	0.5
73	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	1	1
74	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5
75	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5
76	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5	0.5
77	TCTP 7.4.1 - Công bố ISO 9001 tại cơ quan bộ	0.5	0.5
78	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ đã công bố ISO 9001 theo quy định	0.5	0.5
79	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1	1
Tổng số điểm		61,5	56,81

Tổng số điểm: 56,81 điểm.